

Số: 383 /BVĐKHL

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 9 năm 2023

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế Thanh Hóa.

Tên cơ sở công bố: Công ty TNHH một thành viên Bệnh viện đa khoa Hợp Lực.

Giấy phép hoạt động số: 112/BYT-GPHĐ ngày 07 tháng 01 năm 2014.

Địa chỉ: Số 595, Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKI. Nguyễn Xuân Mậu

Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV Bệnh viện đa khoa Hợp Lực.

Điện thoại liên hệ: 02373.713.713

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành:
 - Sau đại học: Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm, Điều dưỡng.
 - Đại học: Y đa khoa, Y học cổ truyền, Dược, Điều dưỡng, Phục hồi chức năng, Hộ sinh, Xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học.
 - Cao đẳng: Dược, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật Phục hồi chức năng, Y sỹ đa khoa.
 - Trung cấp: Y sỹ đa khoa
2. Trình độ đào tạo thực hành: Sau đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp (Phụ lục 1 kèm theo).
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): (Phụ lục 1 kèm theo).
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Phụ lục 2 kèm theo).
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng:



STT	Tên Khoa	Số giường	Ghi chú
I	Khoa lâm sàng		
1	Khoa Hồi sức cấp cứu	25	
2	Khoa Nội Tim mạch	60	
3	Khoa Nội tiêu hóa, hô hấp	90	
4	Khoa Thần kinh	70	
5	Khoa Nội tổng hợp	65	
6	Khoa Y học cổ truyền	55	
7	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	40	
8	Khoa Ngoại tổng hợp	65	
9	Khoa Phẫu thuật - Thần kinh - Lồng ngực	50	
10	Khoa Chấn thương chỉnh hình - Bỏng	55	
11	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức	10	
12	Khoa Phụ sản	90	
13	Khoa Liên chuyên khoa	25	
14	Khoa Ung bướu - Điều trị tia xạ	100	
II	Khoa Cận lâm sàng		
1	Khoa Dược		
2	Khoa Xét nghiệm		
3	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		
	Tổng	800	

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (Phụ lục 3 kèm theo).

Bản công bố này thay thế cho bản công bố số 214/BVĐKHL ngày 26 tháng 6 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Hợp Lực. Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, ĐT.



Nguyễn Xuân Mậu

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1		Chuyên khoa I	Điều dưỡng/ Ngoại khoa	Điều dưỡng ngoại khoa cơ bản	• Thực hành chăm sóc người bệnh trước và sau phẫu thuật • Thực hành chăm sóc người bệnh có <u>mang ống dẫn lưu</u> • Thực hành chăm sóc người bệnh có hậu môn nhân tạo • Thực hành chăm sóc người bệnh có áp xe trong <u>bụng</u> • Thực hành chăm sóc người bệnh viêm phúc mạc	Khoa Ngoại tổng hợp	6	30	10	30	0	30
	Điều dưỡng ngoại khoa tiêu hóa	• Chăm sóc người bệnh viêm tụy cấp • Chăm sóc người bệnh thoát vị • Chăm sóc người bệnh xoắn đại tràng sigma • Chăm sóc người bệnh tắc ruột cơ học • Chăm sóc người bệnh dạ dày - tá tràng • Chăm sóc người bệnh vùng hậu môn <u>trực tràng</u> • Chăm sóc người bệnh lồng ruột cấp • Chăm sóc người bệnh chảy máu đường <u>tiêu hóa</u> • Chăm sóc người bệnh ung thư dạ dày • Chăm sóc người bệnh ung thư đại tràng • Chăm sóc người bệnh ung thư thực quản										

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1		Chuyên khoa I	Điều dưỡng/ Ngoại khoa	Điều dưỡng ngoại khoa gan mật	• Thực hành chăm sóc người bệnh sỏi ống mật chủ	Khoa Ngoại tổng hợp	6	30	10	30	0	30
					• Thực hành chăm sóc người bệnh sỏi túi mật							
					• Thực hành chăm sóc người bệnh áp xe gan đường mật							
					Thực hành chăm sóc người bệnh ung thư gan nguyên phát							
				Điều dưỡng ngoại khoa tiết niệu	• Thực hành chăm sóc người bệnh sỏi đường tiết niệu	Khoa Ngoại tổng hợp	6	30	10	30	0	30
					• Thực hành chăm sóc người bệnh hẹp niệu đạo							
					• Thực hành chăm sóc người bệnh chấn thương đường tiết niệu							
					Thực hành chăm sóc NB u phì đại lạnh tính tuyến tiền liệt							
				Điều dưỡng chấn thương cơ bản	• Thực hành chăm sóc người bệnh gãy xương	Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình	3	15	5	15	0	15
					• Thực hành chăm sóc người bệnh kéo tạ							
					• Thực hành chăm sóc người bệnh vết thương mạch máu							
					• Thực hành chăm sóc người bệnh vết thương khớp							
					• Thực hành chăm sóc người bệnh vết thương bàn tay							
					• Thực hành chăm sóc người bệnh vết thương phần mềm							
					• Thực hành chăm sóc người bệnh chấn thương-vết thương ngực							
					• Thực hành chăm sóc người bệnh bong gân- trật khớp							
					Thực hành chăm sóc người bệnh đinh nhọt, áp xe, chẹn mé							

[illegible]

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm							
1		Chuyên khoa I	Điều dưỡng/ Nội khoa	Điều dưỡng nội tiết niệu	• Thực hành chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu	Khoa Nội Tiêu hóa - Hô hấp - Tiết niệu	3	15	5	15	0	15							
					• Thực hành chăm sóc người bệnh viêm cầu thận														
					• Thực hành chăm sóc người bệnh suy thận														
					• Thực hành chăm sóc người bệnh đái máu														
				Điều dưỡng nội tiêu hóa	• Thực hành chăm sóc người bệnh có rối loạn thực quản								Khoa Nội tổng hợp	3	15	5	15	0	15
					•Thực hành chăm sóc người bệnhdạ dày-tá tràng														
					• Thực hành chăm sóc người bệnh bệnh viêm tụy														
					• Thực hành chăm sóc người bệnh gan - mật														
					• Thực hành chăm sóc người bệnh đại tràng - trực tràng														
					Thực hành chăm sóc người bệnh tiêu chảy cấp														
				Điều dưỡng nội tiết và chuyên hóa	• Thực hành chăm sóc người bệnh suy thùy trước tuyến yên	Khoa Nội tổng hợp	3	15	5	15	0	15							
					• Thực hành chăm sóc người bệnh đái tháo nhạt														
					• Thực hành chăm sóc người bệnh suy thượng thận														
					• Thực hành chăm sóc người bệnh hội chứng Cushing														
					• Thực hành chăm sóc người bệnh tuyến giáp														
• Thực hành chăm sóc người bệnh đái tháo đường																			

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1		Chuyên khoa I	Điều dưỡng/ Nội khoa	Điều dưỡng nội huyết học - miễn dịch	- Thực hành chăm sóc người bệnh thiếu máu - Thực hành chăm sóc người bệnh bạch cầu ác tính - Thực hành chăm sóc người bệnh Lupus ban đỏ - Thực hành chăm sóc người bệnh dị ứng	Khoa Nội tổng hợp	3	15	5	15	0	15
				Điều dưỡng nội cơ xương khớp	- Thực hành chăm sóc người bệnh cơ vân - Thực hành chăm sóc người bệnh loãng xương - Thực hành chăm sóc người mắc bệnh khớp - Thực hành chăm sóc người bệnh cột sống							
				Điều dưỡng nội hồi sức cấp cứu	- Thực hành nhận định người bệnh cấp cứu và nguy kịch - Thực hành xử trí và chăm sóc người bệnh sốc - Thực hành xử trí và chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp - Thực hành xử trí và chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp - Thực hành xử trí và chăm sóc người bệnh hôn mê	Khoa Hồi sức cấp cứu	3	15	5	15	0	15

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
2		Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh Bộ máy tiêu hóa	Thực hiện thành thạo và nắm được các chỉ định các phương pháp chẩn đoán hình ảnh như X quang quy ước, siêu âm và CLVT trong chẩn đoán các bệnh lý của bộ máy tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục, hô hấp, cơ xương khớp, mạch máu và thần kinh. Phân tích được hình ảnh bình thường, bất thường của cơ quan. Chẩn đoán được các bệnh lý của bộ máy tiêu hóa, tiết niệu sinh dục, hô hấp, cơ xương khớp, mạch máu, thần kinh bằng hình ảnh X quang quy ước, siêu âm, CLVT, CHT.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	6	30			0	30
				Chẩn đoán hình ảnh Tiết niệu - Sinh dục								
				Chẩn đoán hình ảnh Tim phổi - Lồng ngực								
				Chẩn đoán hình ảnh Xương, khớp, mạch máu và một số tuyến nội sécr								
				Chẩn đoán hình ảnh thần kinh								
3		Thạc sĩ và Chuyên khoa I	Xét nghiệm	Hóa sinh	Thực hiện thành thạo được các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh đang sử dụng trên lâm sàng	Khoa Xét nghiệm	6	30			0	30
				Huyết học - Truyền máu	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm huyết học, tiếp nhận phát máu và các chế phẩm từ máu							
				Vi sinh	Thực hiện được các kỹ thuật nuôi cấy vi khuẩn, làm kháng sinh đồ định tính định lượng, một số kỹ thuật miễn dịch và sinh							
				Ký sinh trùng	Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm tìm ký sinh trùng							
				Giải phẫu bệnh	Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm giải phẫu bệnh							
4	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh nội khoa	Ứng dụng quy trình điều dưỡng để nhận định phân tích, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh Nội khoa. Tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực nội khoa.	Khoa Nội Tim mạch	1	10	4	12	0	10
						Khoa Nội Thần kinh	1	10	4	12	0	10
						Khoa Tiêu hóa hô hấp	1	10	4	12	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
4	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	Những thay đổi về tâm sinh lý và các vấn đề sức khỏe của người cao tuổi; nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi và vai trò điều dưỡng. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật và quy trình chăm sóc điều dưỡng cho người cao tuổi.	Khoa Nội tổng hợp	2	20	7	21	0	20
				Chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực	Những kiến thức cơ bản về chăm sóc người bệnh tích cực; thực hiện thành thạo các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh tích cực.	Khoa Hồi sức cấp cứu	1	10	4	12	0	10
				Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	Chăm sóc các bệnh Ngoại khoa, chuyên khoa hệ Ngoại. Chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật và sau phẫu thuật. Nhận định phân tích, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh Ngoại khoa, chuyên khoa hệ Ngoại. Tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực Ngoại khoa.	Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình	2	20	7	21	0	20
						Khoa Ngoại Thần kinh - Lồng ngực	2	20	7	21	0	20
						Ngoại Tổng hợp.	2	20	7	21	0	20
				Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	Nhận định và đưa ra được kế hoạch chăm sóc đúng cho người bệnh và sản phụ; Ứng dụng quy trình điều dưỡng Sản phụ khoa trong phát hiện, giải quyết vấn đề và lập kế hoạch sơ cứu, cấp cứu Sản phụ khoa trong những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt.	Khoa Phụ sản	6	60	20	60	0	60

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
5	7720601	Đại học	Xét nghiệm Y học	Hóa sinh	Thực hiện được các xét nghiệm hóa sinh cơ bản.	Khoa Xét nghiệm	6	60			0	60
				Huyết học đông máu - truyền máu	Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm đông máu cơ bản. Thực hiện lấy đơn vị máu đúng tiêu chuẩn và phát đơn vị máu an toàn.							
				Huyết học tế bào	Thực hiện được các kỹ thuật xác định số lượng và các chỉ số của các loại tế bào máu ở máu ngoại vi.							
				Vi sinh	Thực hiện được kỹ thuật nhuộm vi khuẩn và nhận biết hình thể của các vi khuẩn trên tiêu bản nhuộm. Thực hiện được kỹ thuật kháng sinh đồ và phân tích kết quả. Biết được quy trình nuôi cấy chẩn đoán vi khuẩn, kỹ thuật miễn dịch và sinh học phân tử ứng dụng trong chẩn đoán vi sinh.	Khoa Xét nghiệm	6	60			0	60
				Ký sinh trùng	Lấy được bệnh phẩm và thực hiện các phương pháp xét nghiệm chẩn đoán bệnh giun sán - đơn bào, nấm, sốt rét và tiết túc.							
				Xét nghiệm cơ bản	Thực hiện thành thạo các xét nghiệm cơ bản.							
				Giai phẫu bệnh	Kiến thức cơ bản về sự biến đổi hình thái tế bào và mô trong quá trình bệnh lý.							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
6	7720101	Đại học	Y đa khoa	Nội điều trị - HSCC	Khám nội khoa toàn thân và các cơ quan, chẩn đoán, xử trí bước đầu và các phương pháp điều trị, sử dụng thuốc chính xác các bệnh Nội khoa thông thường và cấp cứu.	Khoa Hồi sức cấp cứu	2	20	7	21	0	20
				Nội Bệnh lý		Khoa Nội Thần kinh	2	20	7	21	0	20
						Khoa Nội Tiêu hóa, hô hấp	2	20	7	21	0	20
				Nội cơ sở		Khoa Nội tổng hợp	3	30	10	30	0	30
				Ngoại cơ sở	Khám đúng kỹ thuật, phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của một số bệnh Ngoại khoa thường gặp. Chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, nguyên tắc điều trị các bệnh ngoại khoa thường gặp.	Khoa Ngoại tổng hợp	3	30	10	30	0	30
				Ngoại bệnh lý								
				Ngoại điều trị		Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình	3	30	10	30	0	30
				Chấn thương cơ sở và bệnh lý	Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các nguyên tắc xử trí ban đầu, chỉ định và nguyên tắc điều trị các chấn thương thường gặp.	Khoa Ngoại Thần kinh - Lồng ngực	3	30	10	30	0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
6	7720101	Đại học	Y đa khoa	Sản phụ khoa	Thực hiện thăm khám và làm thủ thuật sản phụ khoa thông thường: khám phụ khoa, khám vú, khám thai, khám sản phụ khi chuyển dạ, đỡ đẻ thường ngôi chòm, theo dõi sản phụ và trẻ sơ sinh sau đẻ.	Khoa Phụ Sản	9	90	10	30	0	30
				Bệnh chuyên khoa: Mắt, Răng hàm mặt, Tai mũi họng, da liễu.	Khám, chẩn đoán và phương pháp điều trị các chấn thương và bệnh lý răng hàm mặt, mắt, tai mũi họng, da liễu thường gặp.	Khối Liên chuyên khoa, Nội tổng hợp	7	70	10	30	0	30
						Khoa Nội tổng hợp	2	20	7	21	0	20
				Ung thư	Khám phát hiện các triệu chứng bệnh. Tư vấn cho bệnh nhân ung thư. Chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư thường gặp.	Khoa Ung Bướu	9	90	30	90	0	90
7	7720603	Đại học	Phục hồi chức năng	Các phương pháp phục hồi chức năng	Thực hiện được các kỹ thuật thăm khám, lượng giá được chức năng người khuyết tật và điều trị Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng một số bệnh lý thường gặp	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	6	60	20	60	0	60
				Vật lý trị liệu cơ bản								
				Đánh giá trị liệu cơ bản								
				Điều trị trị liệu cơ bản								
8	7720115	Đại học	YHCT	Bệnh học Nội YHCT								

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
11	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ	Kỹ năng vận hành các máy chụp cộng hưởng từ và thực hiện thành thạo các kỹ thuật cộng hưởng từ sọ não - cột sống, cơ xương khớp, tim mạch, gan mật, tụy, thận - tiết niệu, sinh dục, sản phụ khoa, đại trực tràng.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh						
				Kỹ thuật siêu âm	Kỹ năng vận hành các máy siêu âm gan mật, tụy, thận - tiết niệu, sinh dục, sản phụ khoa, vú, tuyến giáp, mô mềm dưới sự chỉ đạo của bác sĩ.		5	50			0	50
12	6720201	Cao đẳng	Dược	Dược lâm sàng	Báo cáo ADR dựa trên tình huống lâm sàng thực tế. Thực hành khai thác bệnh án phục vụ cho phân tích ca lâm sàng. Phân tích ca lâm sàng theo quy định.	Khoa Dược	15	225			0	50
				Thực tế ngành và thực tập tốt nghiệp	Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Khoa Dược bệnh viện và nhiệm vụ của Dược trình độ Cao đẳng trong pha chế, cấp phát thuốc. Thực hiện được các kỹ thuật sắp xếp, bảo quản thuốc và dụng cụ y tế đơn, cấp phát thuốc tại kho lẻ. Hỗ trợ cấp phát thuốc tại kho lẻ. Tiêu chuẩn nhà thuốc, quầy thuốc GPP. Các hoạt động tại nhà thuốc, quầy thuốc GPP.							
13	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa, ngoại khoa, lão khoa, sản phụ khoa, nhi khoa, chuyên khoa, vật lý trị liệu phục hồi chức năng. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh.	Khoa Nội tổng hợp	2	30	5	15	0	15
				Chăm sóc sức khỏe người bệnh Cao tuổi		Khoa Nội Tiêu hóa - Hô hấp	2	30	5	15	0	15

[illegible]

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
15	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén Chăm sóc chuyển dạ đẻ Chăm sóc bà mẹ sau đẻ Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học. Chăm sóc trẻ sơ sinh Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng. Dân số - KHHGĐ Quản lý hộ sinh.	Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sức khỏe phụ nữ trong thời kỳ mang thai. Thực hiện được quy trình một số kỹ thuật trong điều trị và thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản cho tuổi vị thành niên, tuổi sinh đẻ, tuổi mãn kinh và nam giới tại bệnh viện và tại cộng đồng.	Khoa Phụ Sản	10	150	10	30	0	30
16	6720602	Cao đẳng	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Hóa sinh Huyết học Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản Vi sinh Ký sinh trùng	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản về hóa sinh, huyết học, vi sinh, ký sinh trùng.	Khoa Xét nghiệm	8	120			0	120
17	6720601	Cao đẳng	Kỹ thuật Hình ảnh y học	Kỹ thuật chụp không chuẩn bị (không dùng thuốc cản quang) Kỹ thuật chụp có chuẩn bị (dùng thuốc cản quang) Kỹ thuật siêu âm Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính Kỹ thuật chụp cộng hướng từ Vận hành, bảo dưỡng, bảo trì máy X- quang	Thực hiện được các kỹ thuật thông thường và các kỹ thuật X-Quang có dùng thuốc cản quang, chụp cắt lớp vi tính, cộng hướng từ.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	8	120			0	120

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
18	6720101	Cao đẳng	Y sỹ đa khoa	Bệnh nội khoa, Bệnh truyền nhiễm - xã hội	Thực hiện được việc thăm, khám và chữa một số bệnh, chứng bệnh thông thường. Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở. Làm được một số thủ thuật theo quy định của Bộ y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng. Chuyên tuyến trên kịp thời các bệnh vượt quá quy định và khả năng giải quyết ở tuyến y tế cơ sở. Quản lý trạm y tế xã.	Khoa Nội tổng hợp	2	30	5	15	0	15
						Khoa Nội Tiêu hóa hô hấp	2	30	5	15	0	15
						Khoa Nội Tim mạch	2	30	5	15	0	15
						Khoa Nội Thần kinh	2	30	5	15	0	15
				Bệnh Ngoại khoa		Khoa Ngoại tổng hợp	2	30	5	15	0	15
						Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình	2	30	5	15	0	15
						Khoa Ngoại PT-TK-LN	2	30	5	15	0	15
				Sức khỏe sinh sản		Khoa sản	2	30	5	15	0	15
				Bệnh chuyên khoa		Khối chuyên khoa	2	30	5	15	0	15

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
19	5720101	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Bệnh nội khoa	Thực hiện được các kỹ thuật thăm khám trên bệnh nhân. Chẩn đoán được một số bệnh thông thường. Lập được hồ sơ bệnh án của bệnh nhân	Khoa Nội Tổng hợp	2	30	5	15	0	15
				Bệnh Ngoại khoa		Khoa Ngoại	2	30	5	15	0	15
				Sức khỏe sinh sản		Khoa sản	2	30	5	15	0	15
				Bệnh truyền nhiễm - XH		Khoa Nội Tiêu hóa hô hấp	2	30	5	15	0	15
				Bệnh chuyên khoa		Khôi Liên chuyên khoa	2	30	5	15	0	15
Tổng cộng							265	2840	468	1404	0	2005

Thanh Hóa, ngày tháng 9 năm 2023

GIÁM ĐỐC



BSCKI. Nguyễn Xuân Mậu

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
I. NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA 1										
A. Chuyên khoa 1/Điều dưỡng ngoại khoa										
1	Trịnh Thọ Bích	BSCKII	Ngoại khoa	0671/TH-CCHN	CN ngoại khoa	44	Điều dưỡng ngoại khoa cơ bản, tiêu hóa, gan mật, tiết niệu.	Thực hành chăm sóc người bệnh trước và sau phẫu thuật, có mang ống dẫn lưu, có hậu môn nhân tạo, có ổ áp xe trong ổ bụng, viêm phúc mạc. Chăm sóc người bệnh viêm tụy cấp, thoát vị, xoắn đại tràng sigma, tắc ruột cơ học, dạ dày - tá tràng, vùng hậu môn trực tràng, lồng ruột cấp, chảy máu đường tiêu hóa, ung thư dạ dày, ung thư đại tràng, ung thư thực quản, sỏi ống mật chủ, sỏi túi mật, áp xe gan đường mật, ung thư gan nguyên phát, sỏi đường tiết niệu, hẹp niệu đạo, chấn thương đường tiết niệu u phi dại lành tính tuyến tiền liệt.	Khoa Ngoại Tổng hợp	10
2	Nguyễn Xuân Mậu	BSCKI	Ngoại khoa	4677/TH-CCHN	Ngoại : NS ổ bụng + NS tiết niệu	18				
3	Đỗ Giao Tiên	BSCKI	Ngoại khoa	3335/TH-CCHN	Ngoại tiết niệu	27				
4	Mai Văn Sự	BSCKI	Ngoại khoa	4702/TH-CCHN	Ngoại khoa	12				
5	Nguyễn Đình Như	BSCKI	Ngoại khoa	005030/TH-CCHN	Ngoại khoa	10				
6	Trần Thế Hệ	BSCKI	Ngoại khoa	006937/TH-CCHN	Ngoại khoa	17				
7	Lê Quốc Huy	BSCKII	Ngoại khoa	1205/TH-CCHN	CN Ngoại khoa -CT - CH	32	Điều dưỡng ngoại khoa chấn thương cơ bản, chấn thương chỉnh hình, sọ não cột sống.	Thực hành chăm sóc người bệnh gãy xương, kéo tạ, vết thương mạch máu, vết thương khớp, vết thương bàn tay, vết thương phần mềm, chấn thương-vết thương ngực, bong gân- trật khớp, đinh nhọt, áp xe, chín mé, gãy xương chi trên, gãy xương chi dưới, bỏng - ghép da, gãy xương chậu, gãy xương cột sống, thoát vị đĩa đệm, chấn thương sọ não, u não.	Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình	5
8	Hoàng Trọng Kim	Thạc sĩ y học	Ngoại khoa	4729/TH-CCHN	Ngoại khoa	24				
9	Lê Thành Hưng	Thạc sĩ y học	Ngoại khoa	8752/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	16				
10	Nguyễn Thanh Văn	BSCKII	Ngoại khoa	4626/TH-CCHN	CN Phẫu thuật TK	36			Khoa Ngoại Thần kinh - Lồng ngực	5
11	Dương Tất Linh	BSCKII	Ngoại khoa	4411/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	18				
12	Vương Thanh Hương	BSCKI	Ngoại khoa	4618/TH-CCHN	Ngoại khoa	16				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
B. Chuyên khoa 1/Điều dưỡng nội khoa										
1	Trịnh Ngọc Thêm	BSCKI	Nội khoa	4727/TH-CCHN	CN Nội khoa + Tiêu sợi huyết	17	Điều dưỡng nội tim mạch, nội hô hấp, tiết niệu, tiêu hóa.	Thực hành chăm sóc người bệnh: Tăng huyết áp, đột quỵ, thiếu máu cục bộ cơ tim, bệnh van tim, loạn nhịp tim, người bệnh mạch máu ngoại vi, phế quản, nhiễm khuẩn phổi, tràn dịch/khí màng phổi, người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, ho ra máu, nhiễm khuẩn tiết niệu, viêm cầu thận, suy thận, đái máu, có rối loạn thực quản, dạ dày-tá tràng, bệnh viêm tụy, gan - mật, đại tràng - trực tràng, tiêu chảy cấp.	Khoa Nội Thần kinh	2
2	Nguyễn Văn Hải	Thạc sĩ	Nội khoa	4656/TH-CCHN	Tim mạch	14			Khoa Nội Tim mạch	4
3	Nguyễn Văn Công	BSCKI	Nội khoa	4634/TH-CCHN	Tim mạch	12				
4	Trịnh Thị Bích	BSCKII	Nội khoa	0665/TH-CCHN	Chuyên ngành Nội khoa - Lao	47			Khoa Nội Tiêu hóa - Hô hấp	5
5	Nguyễn Tiến Công	BSCKI	Nội khoa	4645/TH-CCHN	CN Nội khoa	16				
6	Lê Đức Thông	BSCKI	Nội khoa	0687/TH-CCHN	CN Nội khoa	32				
7	Lương Xuân Huy	BSCKI	Nội khoa	12161/TH-CCHN	CN Nội khoa + Thân nhân tạo	17	Điều dưỡng nội nội tiết và chuyển hóa, huyết học - miễn dịch, hồi sức cấp cứu, cơ xương khớp.	Thực hành chăm sóc người bệnh: suy thùy trước tuyến yên, đái tháo nhạt, suy thượng thận, hội chứng Cushing, tuyến giáp, đái tháo đường, thiếu máu, bạch cầu ác tính, Lupus ban đỏ, dị ứng. Thực hành nhận định người bệnh cấp cứu và nguy kịch; xử trí và chăm sóc người bệnh sốc, suy hô hấp cấp, ngộ độc cấp, người bệnh hôn mê. Thực hành chăm sóc người bệnh cơ vân, loãng xương, người mắc bệnh khớp, người bệnh cột sống.	Khoa Nội tổng hợp	5
8	Trịnh Thị Thanh Xuân	BSCKI	Nội tiết	0658/TH-CCHN	Nội khoa - Nội tiết - Tiêu đường	17				
9	Lê Thị Điều	Thạc sĩ	Nội khoa	6295/TH-CCHN	KCB Nội khoa	27				
10	Ngô Văn Sơn	BSCKII	Cấp cứu - Hồi sức	4687/TH-CCHN	CN Cấp cứu - Hồi sức và chống độc	19			Khoa Hồi sức cấp cứu	5
11	Bùi Tiến Lực	BSCKI	Cấp cứu - Hồi sức	4651/TH-CCHN	CN Cấp cứu - Hồi sức	18				
12	Lê Thị Liễu	Thạc sĩ	Điều dưỡng	13096/TH-CCHN	Điều dưỡng	14				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chi	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
II. NGÀNH CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA 1										
1	Nguyễn Xuân Văn	BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	4739/TH-CCHN	CN : CĐ - HA	27	Chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục, tim phổi - lồng ngực, cơ xương khớp, mạch máu và một số tuyến nông, thần kinh	Thực hiện thành thạo và nắm được các chỉ định các phương pháp chẩn đoán hình ảnh như X quang quy ước, siêu âm và CLVT trong chẩn đoán các bệnh lý của bộ máy tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục, hô hấp, cơ xương khớp, mạch máu và thần kinh. Phân tích được hình ảnh bình thường, bất thường của cơ quan. Chẩn đoán được các bệnh lý của bộ máy tiêu hóa, tiết niệu sinh dục, hô hấp, cơ xương khớp, mạch máu, thần kinh bằng hình ảnh X quang quy ước, siêu âm, CLVT, CHT.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Đỗ Xuân Ban	BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	4691/TH-CCHN	CN : CĐ - HA	18				
3	Vũ Phương Bắc	Thạc sĩ y học	Y học hạt nhân	12172/TH-CCHN	CN : CĐ - HA - SA tim	14				
4	Vũ Trọng Hòa	BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	0008/TH-CCHN	CN : CĐ - HA	30				
5	Nguyễn Văn Thụ	BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	4707/TH-CCHN	NS tiêu hóa trên	17				
6	Lê Đăng Tuyền	BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	12473/TH-CCHN	Siêu âm + NS TH	9				
III. NGÀNH XÉT NGHIỆM TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, CHUYÊN KHOA 1										
1	Nguyễn Tuấn Phi	BSCKII	Huyết học	0683/TH-CCHN	HH tuyến máu	44	Hóa sinh, huyết học - truyền máu, Vi sinh, Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh	Thực hiện thành thạo được các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh, huyết học, vi sinh, ký sinh trùng và giải phẫu bệnh đang sử dụng trên lâm sàng. Thực hiện được các kỹ thuật nuôi cấy vi khuẩn, làm kháng sinh đồ định tính định lượng, một số kỹ thuật miễn dịch và sinh học phân tử áp dụng trong chẩn đoán vi sinh.	Khoa Xét nghiệm	
2	Bùi Đình Dương	Thạc sĩ	Xét nghiệm y học	12838/TH-CCHN	Xét nghiệm	16				
3	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Thạc sĩ	Xét nghiệm y học	4718/TH-CCHN	Xét nghiệm	10				
4	Mai Thị Thúy	Thạc sĩ	Xét nghiệm y học	009786/TH-CCHN	Xét nghiệm	8				
5	Nguyễn Thị Đào	DSCKI	Dược	69/CCHND-ĐH	Dược + XN SH máu	42				
6	Hà Minh Thắng	BSCKI	Giải phẫu bệnh	3244/TH-CCHN	Giải phẫu bệnh	12				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
IV. NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC										
1	Trần Trọng Quế	ĐH	Điều dưỡng	14269/TH-CCHN	Điều dưỡng	14	Chăm sóc người bệnh nội khoa, người cao tuổi, Chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực	Nhận định phân tích, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh Nội khoa. Tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực nội khoa. Những thay đổi về tâm sinh lý và các vấn đề sức khỏe của người cao tuổi; nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi và vai trò điều dưỡng. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật và quy trình chăm sóc điều dưỡng cho người cao tuổi. Những kiến thức cơ bản về chăm sóc người bệnh tích cực; thực hiện thành thạo các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh tích cực.	Khoa Nội Tim mạch	4
2	Trần Thị Thủy	ĐH	Điều dưỡng	12832/TH-CCHN	Điều dưỡng	13			Khoa Nội Thần kinh	4
3	Nguyễn Văn Hùng	ĐH	Điều dưỡng	13883/TH-CCHN	Điều dưỡng	8			Khoa Nội Tiêu hóa - Hô hấp	4
4	Trương Thị Nhung	ĐH	Điều dưỡng	4721/TH-CCHN	Điều dưỡng	12			Khoa Nội tổng hợp	7
5	Trần Thị Tươi	ĐH	Điều dưỡng	4730/TH-CCHN	Điều dưỡng	12				
6	Nguyễn Thị Hương	ĐH	Điều dưỡng	12855/TH-CCHN	Điều dưỡng	7			Khoa Hồi sức cấp cứu	4
7	Hà Thị Chung	ĐH	Điều dưỡng	14268/TH-CCHN	Điều dưỡng	13	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	Chăm sóc các bệnh Ngoại khoa, chuyên khoa hệ Ngoại. Chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật và sau phẫu thuật. Nhận định phân tích, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh Ngoại khoa, chuyên khoa hệ Ngoại. Tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực Ngoại khoa.	Khoa Ngoại Tổng hợp.	7
8	Nguyễn Thị Viên	ĐH	Điều dưỡng	4619/TH-CCHN	Điều dưỡng	17			Khoa Ngoại Thần kinh - Lồng ngực	7
9	Nguyễn Thị Thu Hà	ĐH	Điều dưỡng	4635/TH-CCHN	Điều dưỡng	17				
10	Nguyễn Thị Thái	ĐH ĐD	Điều dưỡng	12835/TH-CCHN	Điều dưỡng	8			Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình	7
11	Nguyễn Văn Cường	ĐH	Điều dưỡng	4716/TH-CCHN	Điều dưỡng	16				
12	Nguyễn Công Thuận	ĐH	Điều dưỡng	017294/TH-CCHN	Điều dưỡng	7				
13	Trương Thị Hạnh	ĐH	Điều dưỡng	1253/TH-CCHN	Điều dưỡng	17	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	Nhận định và đưa ra được kế hoạch chăm sóc đúng cho người bệnh và sản phụ; Ứng dụng quy trình điều dưỡng Sản phụ khoa trong phát hiện, giải quyết vấn đề và lập kế hoạch sơ cứu, cấp cứu Sản phụ khoa trong những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt.	Khoa Phụ Sản	20
14	Đinh Thị Thùy	ĐH	Điều dưỡng	12859/TH-CCHN	Điều dưỡng	8				
15	Lê Thị Hà	ĐH	Điều dưỡng	001005/TH-CCHN	Điều dưỡng	12				
16	Mai Thị Tâm	ĐH	Điều dưỡng	0991/TH-CCHN	Điều dưỡng	16				
17	Trình Thị Thanh Vinh	ĐH	Điều dưỡng	14452/TH-CCHN	Điều dưỡng	12				
18	Trần Thị Mai	ĐH	Điều dưỡng	000108/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	8				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
V. NGÀNH XÉT NGHIỆM Y HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC										
1	Trần Thị Nga	ĐH	Xét nghiệm y học	12827/TH-CCHN	Xét nghiệm	10	Hóa sinh, Huyết học đông máu - truyền máu, Huyết học tế bào, Vi sinh, Ký sinh trùng, Xét nghiệm cơ bản, Giải phẫu bệnh	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật về xét nghiệm hóa sinh, đông máu cơ bản. Thực hiện được các kỹ thuật xác định số lượng và các chỉ số của các loại tế bào máu ở máu ngoại vi.	Khoa xét nghiệm	
2	Nguyễn Thị Xuân	ĐH	Xét nghiệm y học	12826/TH-CCHN	Xét nghiệm	10				
3	Hàn Ngọc Đại	ĐH	Xét nghiệm y học	11584/TH-CCHN	Xét nghiệm	17				
4	Nguyễn Thị Lan Hương	ĐH	Xét nghiệm y học	009860/TH-CCHN	Xét nghiệm	6				
5	Lê Thị Huệ	ĐH	Xét nghiệm y học	009786/TH-CCHN	Xét nghiệm	10				
6	Vũ Thị Tươi	ĐH	Xét nghiệm y học	11581/TH-CCHN	Xét nghiệm	14				
VI. NGÀNH Y ĐA KHOA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC										
1	Lê Văn Bằng	BSCKII	Cấp cứu - Hồi sức	4621/TN-CCHN	CN GM-HS	40	Nội cơ sở, Nội bệnh lý, Nội điều trị - HSCC	Khám nội khoa toàn thân và các cơ quan, chẩn đoán, xử trí bước đầu và các phương pháp điều trị, sử dụng thuốc chính xác các bệnh Nội khoa thông thường và cấp cứu.	Khoa Hồi sức cấp cứu	7
2	Nguyễn Văn Luân	BSCKI	Cấp cứu - Hồi sức	4680/TH-CCHN	KCB Nội khoa	12			Khoa Nội Thần kinh	7
3	Hoàng Minh Huyền	BSCKI	Nội khoa	4728/TH-CCHN	KCB Nội khoa	27			Khoa Nội Tiêu hóa, hô hấp	7
4	Đặng Quốc Chính	BSCKI	Nội khoa	4950/TH-CCHN	KCB Nội khoa	27			Khoa Nội tổng hợp	10
5	Lê Đình Chính	BSCKI	Nội khoa	0670/TH-CCHN	KCB Nội khoa	22				
6	Nguyễn Văn Thảo	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	0663/TH-CCHN	KCB Nội khoa	30				
7	Nguyễn Ngọc Vần	BSCKI	Nội khoa	4726/TH-CCHN	KCB Nội khoa	27				
8	Ngọc Văn Minh	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	009109/TH-CCHN	KCB Nội khoa	8				
9	Tạ Thị Lan	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	12857/TH-CCHN	Nội khoa, Nội tiết, tiêu đường	12				
10	Trần Ân Giang	BSCKII	Ngoại khoa	0676/TH-CCHN	Ngoại và tiết niệu	18	Ngoại cơ sở, Ngoại bệnh lý, Ngoại điều trị, Chấn thương cơ sở và bệnh lý.	Khám đúng kỹ thuật, phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của một số bệnh Ngoại khoa thường gặp. Chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, nguyên tắc điều trị các bệnh ngoại khoa và chấn thương thường gặp.	Khoa Ngoại Tổng hợp	10
11	Phạm Thị Thanh	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	144383/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	10			Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình	10
12	Nguyễn Bá Minh	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	13892/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	15				
13	Nguyễn Bá Hiệp	BSCKI	Ngoại khoa	0016227/TH - CCHN	Ngoại và tiết niệu	10				
14	Lại Văn Chính	BSCKI	Ngoại khoa	12958/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	12				
15	Nguyễn Văn Báo	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	4720/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	14			Khoa Ngoại Thần kinh - Lồng ngực	10
16	Nguyễn Ngọc Thanh	BSCKI	Ngoại khoa	4514/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	18				
17	Nguyễn Kỳ	BSCKI	Ngoại khoa	14709/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	8				
18	Lê Văn Vũ	BSCKI	Ngoại khoa	14709/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	8				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú....	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
19	Lê Khắc Nghị	BSCKI	Sân phụ khoa	0907/TH-CCHN	Sân - Phụ khoa	31	Sân phụ khoa	Thực hiện thăm khám và làm thủ thuật sản phụ khoa thông thường: khám phụ khoa, khám vú, khám thai, khám sản phụ khi chuyển dạ, đỡ đẻ thường ngồi chồm, theo dõi sản phụ và trẻ sơ sinh sau đẻ.	Khoa Phụ Sản	10
20	Trịnh Minh Thuận	BSCKI	Sân phụ khoa	0674/TH-CCHN	Sân - PT Nội soi	17				
21	Nguyễn Thị Dương	BSCKI	Sân phụ khoa	0682/TH-CCHN	Sân - Phụ khoa	34				
22	Lê Minh Châu	BSCKI	Sân phụ khoa	000673/TH-CCHN	Sân - Phụ khoa	22				
23	Hà Công Nhân	BSCKI	Sân phụ khoa	4625/TH-CCHN	Sân - Phụ khoa	12				
24	Lê Văn Nam	BSCKI	Sân phụ khoa	0685/TH-CCHN	Sân - Phụ khoa	18				
25	Dương Phẩm	BSCKI	Sân phụ khoa	0672/TH-CCHN	Sân - Phụ khoa	36				
26	Lê Thị Xinh	BSCKI	Sân phụ khoa	0660/TH-CCHN	Sân - Phụ khoa	27				
27	Ngô Thị Thoa	BSCKI	Sân phụ khoa	4744/TH-CCHN	Sân - Phụ khoa	12				
28	Nguyễn Đình Nơi	BSCKI	Ung thư	0675/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa, CN Ung thư	18	Ung thư	Khám phát hiện các triệu chứng bệnh. Tư vấn cho bệnh nhân ung thư. Chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư thường gặp.	Khoa Ung bướu	30
29	Trương Xuân Tiến	Thạc sĩ	Ung thư	12787/TH-CCHN	KCB Nội khoa, CN Ung thư	12				
30	Đặng Thanh Hiệp	BSCKI	Ung thư	13423/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa, CN Ung thư	10				
31	Nguyễn Đức Hạnh	BSCKI	Ung thư	4714/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa, CN Ung thư	10				
32	Nguyễn Thị Nhật	BSCKI	Nội khoa	0689/TH-CCHN	KCB Nội khoa, CN Ung thư	32				
33	Bùi Xuân Kiên	BSCKI	Ung thư	012825/TH-CCHN	Ung thư	8				
34	Phạm Thị Hoàng Uyên	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	12162/TH-CCHN	Ung thư	7				
35	Nguyễn Tiến Độ	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	13880/TH-CCHN	Ung thư	10				
36	Nguyễn Văn Phương	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	004696/TH-CCHN	Ung thư	16				
37	Đỗ Anh Hòa	BSCKII	Tai mũi họng	1215/TH-CCHN	Tai mũi họng	35	Bệnh chuyên khoa: Mắt, Răng hàm mặt, Tai mũi họng, da liễu	Khám, chẩn đoán và phương pháp điều trị các chấn thương và bệnh lý răng hàm mặt, mắt, tai mũi họng, da liễu thường gặp.	Khối Liên chuyên khoa	10
38	Nguyễn Kim Nghĩa	BSCKII	Tai mũi họng	0453/BYT-CCHN	Tai mũi họng	37				
39	Lê Văn Thắng	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	14618/TH-CCHN	Tai mũi họng	5				
40	Hoàng Ngọc Tuấn	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	13089/TH-CCHN	Mắt	9				
41	Nguyễn Văn Đồng	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	011635/TH-CCHN	Mắt	7				
42	Trần Thị Huyền Trang	BSCKI	Răng hàm mặt	9197/TH-CCHN	Răng hàm mặt	13				
43	Đỗ Thị Lâm	Bác sĩ	Răng hàm mặt	12856/TH-CCHN	Răng hàm mặt	8				
44	Vũ Thị Niên	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	4679/TH-CCHN	Nội khoa	9			Khoa Nội tổng hợp	7
45	Đỗ Thị Hải	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	14485/TH-CCHN	Nội khoa	7				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
VII. NGÀNH PHỤC HÔI CHỨC NĂNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC										
1	Trần Thị Ban	BSCKI	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	5418/TH-CCHN	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	29	Phương pháp Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu cơ bản, Đánh giá và Điều trị vật lý trị liệu	Thực hiện được các kỹ thuật thăm khám, lượng giá được chức năng người khuyết tật và điều trị Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng một số bệnh lý thường gặp	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	20
2	Nguyễn Đăng Chung	BSCKI	Nội khoa	0680/TH-CCHN	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	32				
3	Bùi Thị Liên	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	13881/TH-CCHN	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	8				
4	Nguyễn Thị Thu Thảo	ĐH	Phục hồi chức năng		Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	8				
5	Lê Thị Phương	ĐH	Điều dưỡng	1225/TH-CCHN	Điều dưỡng	15				
6	Đinh Thị Hoa	ĐH	Điều dưỡng	005444/TH-CCHN	Điều dưỡng	16				
VIII. NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC										
1	Hà Thị Hoàn	BSCKI	Y học cổ truyền	4641/TH-CCHN	CCHN - YHCT	22	Bệnh học Nội, Ngoại, Phụ sản, Ngũ quan YHCT	Thực hiện được các kỹ thuật thăm khám, chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân theo phương pháp YHCT, phối kết hợp y học hiện đại với YHCT trong điều trị bệnh. Lập hồ sơ bệnh án của bệnh nhân.	Khoa Y học cổ truyền	20
2	Bùi Hữu Dũng	BSCKI	Y học cổ truyền	4654/TH-CCHN	CCHN - YHCT	12				
3	Hoàng Xuân Hào	BSCKI	Y học cổ truyền	4622/TH-CCHN	CCHN- YHCT + thất trí	10				
4	Phùng Mạnh Ngọc	Bác sĩ	Y học cổ truyền	12623/TH-CCHN	CCHN- YHCT	12				
5	Nguyễn Thị Phương	Bác sĩ	Y học cổ truyền	13092/TH-CCHN	CCHN- YHCT	8				
6	Phùng Thị Liên	Bác sĩ	Y học cổ truyền	13882/TH-CCHN	CCHN- YHCT	7				
IX. NGÀNH DƯỢC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC										
1	Lê Huy Dương	DSCKI	Dược	1305/TH-CCHND	Dược	13	Dược lâm sàng, Thực tế ngành và thực tập tốt nghiệp	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của người Dược sĩ đại học tại Khoa Dược, Quầy thuốc, khoa lâm sàng.	Khoa Dược	
2	Đặng Đình Anh	ĐH	Dược	2718/TH-CCHND	Dược	13				
3	Nguyễn Anh Tấn	ĐH	Dược	774/TH-CCHND	Dược	15				
4	Nguyễn Ngọc Hương	DSCKI	Dược	43/2012/CCHND	Dược	14				
5	Nguyễn Văn Thành	DSCKI	Dược	1925/CCHND-SYT-TH	Dược	11				
6	Nguyễn Thùy Trang	DSCKI	Dược	3956/CCHND-SYT-TH	Dược	10				
7	Lê Thị Hà	ĐH	Dược	767/TH-CCHND	Dược	16				
8	Hồ Thị Ngân	ĐH	Dược	766/TH-CCHND	Dược	16				
9	Trịnh Văn Mạnh	ĐH	Dược	5437/CCHN-D-SYT-TH	Dược	7				
10	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ	Dược	2158/TH-CCHN	Dược	8				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú....	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế ràng đạt yêu cầu thực hành
X. NGÀNH HỖ SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC										
1	Nguyễn Văn Kiên	BSCKII	Sản phụ khoa	4659/TH-CCHN	CN Sản - Phụ khoa	31	CSSK phụ nữ và nam học, Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường, Chăm sóc bà mẹ thai nghén có nguy cơ, Chăm sóc BM chuyển dạ và đẻ thường, Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường, Chăm sóc bà mẹ sau đẻ có nguy cơ, Chăm sóc sơ sinh, Dân số - KHHGĐ, Quản lý hộ sinh.	Người hộ sinh có vai trò chăm sóc sức khỏe sinh sản trong cộng đồng và suốt quãng đời của người phụ nữ. Hỗ trợ khả năng của nữ hộ sinh để thực hiện chăm sóc sức khỏe sinh sản từ vị thành niên đến lúc già yếu bằng nhiều cách. Tăng cường kiến thức cho người hộ sinh về những thay đổi sinh lý xảy ra trong quá trình thai nghén và ứng dụng những nguyên tắc của tâm lý học và giao tiếp trong chăm sóc sức khỏe thai phụ. Giới thiệu những nguyên tắc củng cố làm vững chắc thêm công tác chăm sóc sức khỏe trước sinh bao gồm chẩn đoán, theo dõi và giáo dục. Giúp người hộ sinh nhận biết sự khác biệt đối với thai nghén thông thường và nhằm cung cấp chăm sóc sức khỏe an toàn và hiệu quả các tình huống phức tạp. Cung cấp kiến thức cho người hộ sinh để nhận định, lập và thực hiện chăm sóc, theo dõi chuyển dạ và đẻ thường. Thực hiện chăm sóc đặc biệt để giảm đau cho bà mẹ chuyển dạ. Giúp người hộ sinh nhận biết sự bất thường và chuẩn bị chăm sóc cho bà mẹ có bất thường trong quá trình chuyển dạ, chú trọng vào hiểu biết về dấu hiệu và triệu chứng của đẻ khó, những biến chứng khác để can thiệp kịp thời và chuyển tuyến thích hợp.	Khoa Phụ Sản	20
2	Lê Thị Kim Thoa	BSCKI	Sản phụ khoa	0672/TH-CCHN	Sản - Phụ khoa	11				
3	Đinh Thị Phương Thảo	Thạc sĩ	Sản phụ khoa	13710/TH-CCHN	Sản - Phụ khoa	10				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú....	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
4	Đoàn Thị Hằng	Bác sĩ	Sân phụ khoa	016835/TH-CCHN	Bác sĩ đa khoa	4	CSSK phụ nữ và nam học, Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường,	Nghiên cứu sự phục hồi của cơ thể sau sinh, sự tiết sữa và đánh giá bà mẹ hậu sản bao gồm co hồi tử cung, chiều cao tử cung và tình trạng chảy máu. Chú trọng vào chăm sóc trẻ sơ sinh khỏe mạnh bình thường. Giúp người hộ sinh có thể ứng dụng những kiến thức về nguyên tắc chăm sóc sau đẻ trong các tình huống phức tạp bao gồm nhận định và xử trí các biến chứng sản khoa và chỉ định cần thực hiện trong các tình huống cấp cứu. Giúp người hộ sinh có khả năng phát triển các kỹ năng chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường. Giới thiệu vai trò của người hộ sinh trong việc chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh, giải thích và phát triển tầm quan trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm dựa trên những quy định về pháp luật và đạo đức hành nghề.	Khoa Phụ Sản	20
5	Hoàng Thị Quỳnh	Bác sĩ	Sân phụ khoa	018242/TH-CCHN	Bác sĩ đa khoa	4	Chăm sóc bà mẹ thai nghén có nguy cơ, Chăm sóc BM chuyển đạ và đẻ thường, Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường, Chăm sóc bà mẹ sau đẻ có nguy cơ, Chăm sóc sơ sinh, Dân số - KHHGĐ, Quản lý hộ sinh.	Chăm sóc bà mẹ thai nghén có nguy cơ, Chăm sóc BM chuyển đạ và đẻ thường, Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường, Chăm sóc bà mẹ sau đẻ có nguy cơ, Chăm sóc sơ sinh, Dân số - KHHGĐ, Quản lý hộ sinh.		
6	Hà Thị Cúc	Bác sĩ	Sân phụ khoa	018022/TH-CCHN	Sân - Phụ khoa	4		Nghiên cứu ảnh hưởng của quốc tế đối với sự phát triển ngành hộ sinh. Nghiên cứu về dân số và nhân khẩu học của Việt Nam. Những biện pháp tránh thai cho tất cả các nhóm tuổi và tư vấn sức khỏe.		

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
XI. NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC										
1	Lê Thị Huyền	BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	13217/TH-CCHN	CN : CĐ - HA	17	Kỹ thuật chụp X- quang thông thường Sơ, mật, bụng, chi, cột sống, ngực. Kỹ thuật chụp X- quang Tiêu hóa. Kỹ thuật chụp X-quang Tiết niệu - sinh dục. Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính cơ bản. Kỹ thuật chụp cộng hướng từ. Kỹ thuật siêu âm. Bảo quản máy.	Sử dụng tốt các máy X quang, máy tính, phụ kiện tạo ảnh và thực hiện thành thạo các kỹ thuật chụp X quang thông thường vùng Sơ, mật, bụng, chi, cột sống, ngực. Kỹ năng vận hành các máy chụp cắt lớp vi tính và thực hiện thành thạo các kỹ thuật cắt lớp vi tính sơ não, xoang, ngực, ổ bụng, cột sống, tiết niệu - khung chậu, xương khớp. Kỹ năng vận hành các máy chụp cộng hưởng từ và thực hiện thành thạo các kỹ thuật cộng hưởng từ sơ não - cột sống, cơ xương khớp, tim mạch, gan mật, tụy, thận - tiết niệu, sinh dục, sản phụ khoa, đại trực tràng. Kỹ năng vận hành các máy siêu âm gan mật, tụy, thận - tiết niệu, sinh dục, sản phụ khoa, vú, tuyến giáp, mô mềm dưới sự chỉ đạo của bác sĩ. Vận dụng được các kiến thức lý thuyết về cấu tạo máy và nguyên tắc bảo quản máy để bảo trì, sửa chữa máy móc hỏng hóc.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Hoàng Thị Mười	BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	13879/TH-CCHN	CN : CĐ - HA	16				
3	Vũ Xuân Toàn	Bác sĩ	Đa khoa	14482/TH-CCHN	Siêu âm + Nội soi	7				
4	Mai Văn Lâm	BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	000358/TH-CCHN	CN : CĐ - HA	21				
5	Nguyễn Đức Tân	Bác sĩ	Đa khoa	004656/TH-CCHN	CN : CĐ - HA	6				
XII. NGÀNH DƯỢC TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG										
1	Nguyễn Thị Hương	ĐH	Dược	5438/CCHN-D-SYT-TH	Dược	6	Dược lâm sàng, Thực tế ngành và thực tập tốt nghiệp	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của người Dược sĩ Cao đẳng tại Khoa Dược, Quầy thuốc và khoa lâm sàng.	Khoa Dược	
2	Phan Thị Ngọc Ánh	ĐH	Dược	5436/CCHN-D-SYT-TH	Dược	5				
3	Lê Thị Bình	Cao đẳng	Dược	769/TH-CCHND	Dược	14				
4	Nguyễn Thị Hà	Cao đẳng	Dược	772/TH-CCHND	Dược	11				
5	Dương Thị Hiền	Cao đẳng	Dược	778/TH-CCHND	Dược	15				
6	Lê Thị Linh	Cao đẳng	Dược	792/TH-CCHND	Dược	9				
7	Nguyễn Thị Như	Cao đẳng	Dược	762/TH-CCHND	Dược	16				
8	Nguyễn Thị Phương	Cao đẳng	Dược	770/TH-CCHND	Dược	13				
9	Trịnh Thị Phương	Cao đẳng	Dược	765/TH-CCHND	Dược	11				
10	Chu Thị Thanh	Cao đẳng	Dược	777/TH-CCHND	Dược	15				
11	Lê Thị Thảo	Cao đẳng	Dược	776/TH-CCHND	Dược	11				
12	Nguyễn Thị Thủy	Cao đẳng	Dược	771/TH-CCHND	Dược	14				
13	Nguyễn Văn Thủy	Cao đẳng	Dược	763/TH-CCHND	Dược	14				
14	Phạm Thị Anh	Cao đẳng	Dược	3353/TH-CCHND	Dược	6				
15	Bùi Thị Trang	Cao đẳng	Dược	773/TH-CCHND	Dược	11				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
XIII. NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG										
1	Lê Thị Lưu	Cao đẳng	Điều dưỡng	0998/TH-CCHN	Điều dưỡng	15	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Nội khoa, Ngoại khoa, NB Cao tuổi, NB CC&CSTC. CSSK phụ nữ và gia đình, Điều dưỡng chuyên khoa	Thực hiện nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa, ngoại khoa, cao tuổi, cấp cứu, trẻ em, sản phụ khoa, chuyên khoa. Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh.	Khoa Nội tổng hợp	5
2	Phạm Thị Lan Anh	Cao đẳng	Điều dưỡng	12850/TH-CCHN	Điều dưỡng	15			Khoa Nội Tiêu hóa - Hô hấp	5
3	Nguyễn Thị Hợp	Cao đẳng	Điều dưỡng	4731/TH-CCHN	Điều dưỡng	16			Khoa Nội Tim mạch	5
4	Lê Thị Tuyền	Cao đẳng	Điều dưỡng	1006/TH-CCHN	Điều dưỡng	15			Khoa Hồi sức cấp cứu	5
5	Hoàng Quang Trung	Cao đẳng	Điều dưỡng	4721/TH-CCHN	Điều dưỡng	15			Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình	5
6	Hoàng Thị Dung	Cao đẳng	Điều dưỡng	4627/TH-CCHN	Điều dưỡng	15			Khoa Ngoại Thần kinh - Lồng ngực	5
7	Nguyễn Thị Thu	Cao đẳng	Điều dưỡng	4646/TH-CCHN	Điều dưỡng	16			Khoa Ngoại Tổng hợp	5
8	Hà Thị Hào	Cao đẳng	Điều dưỡng	4644/TH-CCHN	Điều dưỡng	16			Khoa Phụ sản	5
9	Lê Thị Thoa	Cao đẳng	Điều dưỡng	4711/TH-CCHN	Điều dưỡng	13			Khối liên chuyên khoa	5
10	Quách Thị Chuyên	Cao đẳng	Điều dưỡng	1223/TH-CCHN	Điều dưỡng	15			Khoa Vật lý trị liệu phục hồi chức năng	5
11	Nguyễn Thị Hương	Cao đẳng	Điều dưỡng	4617/TH-CCHN	Điều dưỡng	13				
12	Nguyễn Thị Hiền	Cao đẳng	Điều dưỡng	1232/TH-CCHN	Điều dưỡng	14				
13	Lê Văn Cầu	Cao đẳng	Điều dưỡng	4647/TH-CCHN	Điều dưỡng	12				
14	Phan Thị Phượng	Cao đẳng	Điều dưỡng	1233/TH-CCHN	Điều dưỡng	14				
15	Lê Thị Ngân	Cao đẳng	Điều dưỡng	1010/TH-CCHN	Điều dưỡng	13				
16	Nguyễn Thị Thiết	Cao đẳng	Điều dưỡng	4474/TH-CCHN	Điều dưỡng	16				
17	Phạm Thị Thương	CĐ ĐD	Điều dưỡng	4638/TH-CCHN	Điều dưỡng	15				
18	Trịnh Thị Hạnh	CĐ ĐD	Điều dưỡng	1229/TH-CCHN	Điều dưỡng	15				
19	Nguyễn Văn Bắc	CĐ PHCN	Vật lý trị liệu PHCN	4745/TH-CCHN	VLTL-PHCN	16				
20	Trần Văn Cẩn	CĐ ĐD	Điều dưỡng	1247/TH-CCHN	Điều dưỡng	15				
XIV. NGÀNH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG										
1	Lê Thị Thùy	ĐH	Điều dưỡng	001249/TH-CCHN	Điều dưỡng	7	Xoa bóp trị liệu, Vận động trị liệu, Bệnh lý và VLTL- PHCN hệ cơ xương, hệ thần kinh và các hệ cơ quan, Phương pháp điều trị VLTL, PHCN dựa vào cộng đồng	Phòng ngừa tàn tật, phục hồi chức năng cho người đã bị giảm hoặc mất các chức năng; các kỹ thuật VLTL-PHCN; một số phương pháp VLTL- PHCN và PHCN các nhóm tàn tật và một số bệnh thường gặp nhằm giảm gánh nặng hậu quả của tàn tật cho bản thân người tàn tật, gia đình và xã hội.	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	10
2	Nguyễn Thị Lan	ĐH	Điều dưỡng	1008/TH-CCHN	Điều dưỡng	10				
3	Trần Công Doanh	CĐ ĐD	Điều dưỡng	13421/TH-CCHN	VLTL-PHCN	8				
4	Mai Nhân Tuấn	CĐ ĐD	Điều dưỡng	15182/TH-CCHN	VLTL-PHCN	5				
5	Ngô Thị Việt Anh	CĐ ĐD	Điều dưỡng	967/QĐ-SYT	VLTL-PHCN	13				
6	Đỗ Thị Nhung	CĐ ĐD	Điều dưỡng	12541/TH-CCHN	VLTL-PHCN	8				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
XV. NGÀNH HỌ SINH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG										
1	Lương Thị Ngọc	Cao đẳng	Điều dưỡng	1257/TH-CCHN	Điều dưỡng	10	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Nhân định được sản phụ chuyển dạ đẻ và bệnh lý sản khoa, phụ giúp bác sỹ khám phụ khoa. Phụ giúp bác sỹ khám thai sớm và đặt dụng cụ tử cung. Lập kế hoạch chăm sóc sản phụ trước và sau đẻ. Thực hành khám thai đúng quy định. Theo dõi và thực hành được chuyển dạ đẻ thường và thực hành được đỡ đẻ thường.	Khoa Phụ Sản	10
2	Đỗ Thị Vân Anh	Cao đẳng	Điều dưỡng	1258/TH-CCHN	Điều dưỡng	10				
4	Nguyễn Thị Thu	Cao đẳng	Điều dưỡng	1252/TH-CCHN	Điều dưỡng	10				
5	Nguyễn Thị Lan	Cao đẳng	Điều dưỡng	4620/TH-CCHN	Điều dưỡng	12				
6	Lê Thị Hạnh	Cao đẳng	Điều dưỡng	12854/TH-CCHN	Điều dưỡng	10				
7	Lê Thị Duyên	Cao đẳng	Điều dưỡng	13096/TH-CCHN	Điều dưỡng	7				
C	Lê Thị Hà	Cao đẳng	Điều dưỡng	13095/TH-CCHN	Điều dưỡng	12				
9	Lường Thị Oanh	Cao đẳng	Điều dưỡng	13090/TH-CCHN	Điều dưỡng	12				
10	Lê Thị Thúy Hà	Cao đẳng	Điều dưỡng	4690/TH-CCHN	Điều dưỡng	12				
XVI. NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG										
1	Lê Đình Chung	ĐH	Xét nghiệm y học	0988/TH-CCHN	Xét nghiệm	17	Hóa sinh, huyết học, Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản, Vi sinh, Ký sinh trùng	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản về hóa sinh, huyết học, vi sinh, ký sinh trùng.	Khoa xét nghiệm	
2	Nguyễn Văn Khánh	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	989/TH-CCHN	Xét nghiệm	17				
3	Trương Thị Vân	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	0983/TH-CCHN	Xét nghiệm	16				
4	Nguyễn Ánh Tuyết	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	4684/TH-CCHN	Xét nghiệm	10				
5	Đình Văn Hiến	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	12836/TH-CCHN	Xét nghiệm	7				
6	Trịnh Văn Nghĩa	ĐH	Xét nghiệm y học	13876/TH-CCHN	Xét nghiệm	7				
7	Đỗ Thị Phương Thảo	ĐH	Xét nghiệm y học	0986/TH-CCHN	Xét nghiệm	12				
XVII. NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG										
1	Lê Duy Bắc	ĐH	KT Hình ảnh y học	11532/TH-CCHN	Hình ảnh	14	Kỹ thuật chụp không chuẩn bị, có chuẩn bị, Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính, chụp cộng hưởng từ, Vận hành, bảo trì máy.	Thực hiện được các kỹ thuật thông thường và các kỹ thuật X-Quang có dùng thuốc cản quang, chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ.	Khoa chẩn đoán hình ảnh	
2	Nguyễn Văn Tài	Cao đẳng	KT Hình ảnh y học	0835/TH-CCHN	Hình ảnh	14				
3	Nguyễn Văn Linh	Cao đẳng	KT Hình ảnh y học	0337/TH-CCHN	Hình ảnh	7				
4	Phạm Xuân Thủy	Cao đẳng	KT Hình ảnh y học	900/TH-CCHN	Hình ảnh	16				
5	Nguyễn Lâm	Cao đẳng	KT Hình ảnh y học	895/TH-CCHN	Hình ảnh	17				
6	Lê Anh Tuấn	Cao đẳng	KT Hình ảnh y học	4697/TH-CCHN	Hình ảnh	10				
7	Nguyễn Khắc Tuấn	Cao đẳng	KT Hình ảnh y học	0893/TH-CCHN	Hình ảnh	14				
8	Bùi Văn Sơn	Cao đẳng	KT Hình ảnh y học	4616/TH-CCHN	Hình ảnh	8				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
XVIII. NGÀNH Y SỸ ĐA KHOA TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG										
1	Mai Tất Đắc	BSCKI	Nội khoa	102-2008 CCHNYDTN	Nội khoa	32		Thực hiện được việc thăm, khám và chữa một số bệnh, chứng bệnh thông thường. Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở. Làm được một số thủ thuật theo quy định của Bộ y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng. Chuyển tuyến trên kịp thời các bệnh vượt quá quy định và khả năng giải quyết ở tuyến y tế cơ sở. Quản lý trạm y tế xã.	Khoa Nội Tổng hợp	5
2	Lê Xuân Hồng	BSCKI	Nội khoa	000659/TH-CCHN	Nội khoa	36			Khoa Nội Tiêu hóa hô hấp	5
3	Nguyễn Thị Lan	BSCKI	Nội khoa	0449/TH-CCHN	Nội khoa	27			Khoa Nội Tim mạch	5
4	Đỗ Thị Hải	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	14485/TH-CCHN	Nội khoa	8			Khoa Nội Thần kinh	5
5	Lê Thị Châu	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	4614/TH-CCHN	Nội khoa	14			Khoa Ngoại Tổng hợp	5
6	Hán Thị Hằng	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	004723/TH-CCHN	Nội khoa	5			Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình	5
7	Lê Thị Loan	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	000997/TH-CCHN	Nội khoa	10			Khoa Ngoại PT-TK-LN	5
8	Mai Xuân Phương	BSCKI	Nội khoa	004696/TH-CCHN	Nội khoa	15			Khối chuyên khoa	5
9	Đỗ Đức Công	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	006637/TH - CCHN	Ngoại khoa	10			Khoa Sản	5
10	Nguyễn Đình Sơn	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	013104/TH-CCHN	Ngoại khoa	5				
11	Trần Văn Tuấn	BSCKI	Ngoại khoa	14672/TH-CCHN	Ngoại khoa	8				
12	Phạm Thanh Sơn	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	14618/TH-CCHN	Ngoại khoa	7				
13	Nguyễn Ngọc Nghị	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	004649/TH-CCHN	Ngoại khoa	16				
14	Nguyễn Văn Bảo	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	004720/TH-CCHN	Ngoại khoa	15				
15	Lê Thị Hoài Thương	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	011635/TH-CCHN	Tai mũi họng	10				
16	Lê Văn Thắng	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	016572/TH-CCHN	Tai mũi họng	5				
17	Đào Thị Tiếp	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	12549/TH-CCHN	Sân phụ khoa	15				
18	Lưu Thị Ngân	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	0660/TH-CCHN	Sân phụ khoa	11				
XIX. NGÀNH Y SỸ ĐA KHOA TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP										
1	Nguyễn Văn Thảo	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	000663/TH-CCHN	Nội khoa	35		Thực hiện được các kỹ thuật thăm khám trên bệnh nhân. Chẩn đoán được một số bệnh thông thường. Lập được hồ sơ bệnh án của bệnh nhân	Khoa Nội tổng hợp	5
2	Nguyễn Thị Cúc	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	14884/TH-CCHN	Nội khoa	8			Khoa Ngoại	5
3	Nguyễn Kỳ	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	14709/TH-CCHN	Ngoại khoa	5			Khoa Phụ sản	5
4	Nguyễn Quốc Đạt	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	14724/TH-CCHN	Ngoại khoa	5			Khoa Nội Tiêu hóa hô hấp	5
5	Nguyễn Thị Thu Phương	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	009781/TH-CCHN	Sân phụ khoa	5			Khối liên chuyên khoa	5
6	Mai Hồng Chuyên	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	000673/TH-CCHN	Sân phụ khoa	6				
7	Nguyễn Thị Loan	BSCKI	Nội khoa	002681/TH-CCHN	Nội khoa	6				
8	Hà Thị Phương	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	002681/TH-CCHN	Nội khoa	5				
9	Hà Quang Luyện	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa	018732/TH-CCHN	TMH	18				
10	Nguyễn Thị Lan	Bác sĩ	Bác sĩ RHM	121/QĐ-SYT	RHM	4				



Thanh Hóa, ngày 28 tháng 1 năm 2023

GIÁM ĐỐC

BSCKI. Nguyễn Xuân Mậu

**DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1. Khối Nội (Khoa Nội Tim mạch, Nội thần kinh, Nội Tiêu hóa hô hấp, Nội tổng hợp)				
1	Phòng giao ban tại khoa	Phòng	4	
2	Bảng viết	Cái	4	
3	Xe tiêm 2 tầng	Cái	30	
4	Bộ dụng cụ đo dấu hiệu sinh tồn	Cái/loại	50	
5	Bộ dụng cụ tiêm thuốc	Bộ	50	
6	Bộ dụng cụ truyền dịch	Bộ	50	
7	Bộ dụng cụ truyền máu	Bộ	20	
8	Bộ dụng cụ thông tiểu	Bộ	30	
9	Bộ dụng cụ chọc dò dịch não tủy	Bộ	8	
10	Bộ dụng cụ chọc dò dịch màng phổi	Bộ	8	
11	Bộ dụng cụ chọc dò dịch màng tim	Bộ	8	
12	Bộ dụng cụ chọc dò dịch màng bụng	Bộ	8	
13	Bộ dụng cụ cho thở ôxy	Bộ	20	
14	Bộ dụng cụ đặt sonde dạ dày	Bộ	6	
15	Máy điện tim	Cái	5	
16	Máy bơm tiêm điện	Cái	30	
17	Máy monitor	Cái	12	
18	Máy hút dịch	Cái	6	
19	Bộ lưu lượng ôxy	Bộ	20	
20	Tủ thuốc Inox	Cái	5	
21	Búa phản xạ	Cái	6	
22	Ambu bóp bóng người lớn + trẻ em	Cái	15	
23	Giường đa năng	Cái	220	
24	Giường Inox	Cái	50	
25	Tủ đầu giường	Cái	220	
26	Tủ thuốc Inox	Cái	4	
2. Khoa Hồi sức cấp cứu				
1	Phòng giao ban tại khoa	Phòng	1	
2	Bảng viết	Cái	1	
3	Xe tiêm 2 tầng	Cái	5	
4	Bộ dụng cụ đo dấu hiệu sinh tồn	Cái	10/loại	
5	Bộ dụng cụ tiêm thuốc	Bộ	10	
6	Bộ dụng cụ truyền dịch	Bộ	10	
7	Bộ dụng cụ truyền máu	Bộ	5	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
8	Bộ dụng cụ thông tiêu	Bộ	10	
9	Bộ dụng cụ đặt nội khí quản	Bộ	5	
10	Bộ dụng cụ mở khí quản	Bộ	3	
11	Bộ dụng cụ đặt cathete tĩnh mạch	Bộ	3	
12	Bộ dụng cụ hút đờm rãi	Bộ	5	
13	Bộ dụng cụ cho thở ôxy	Bộ	5	
14	Bộ dụng cụ đặt sonde dạ dày	Bộ	5	
15	Máy điện tim	Cái	5	
16	Máy bơm tiêm điện	Cái	10	
17	Máy monitor	Cái	11	
18	Máy thở	Cái	5	
19	Máy sốc điện	Cái	1	
20	Giường đa năng	Cái	30	
21	Tủ đầu giường	Cái	30	
22	Tủ thuốc Inox	Cái	1	

3. Khoa Ngoại (Khoa Ngoại Chân thương - Chỉnh hình, Ngoại PT Thân kinh - lồng ngực, Ngoại tổng hợp)

1	Phòng giao ban tại khoa	Phòng	3	
2	Bảng viết	Cái	3	
3	Xe tiêm 2 tầng	Cái	30	
4	Bộ dụng cụ đo dấu hiệu sinh tồn	Bộ	30 cái/loại	
5	Bộ dụng cụ tiêm thuốc	Bộ	30	
6	Bộ dụng cụ truyền dịch	Bộ	30	
7	Bộ dụng cụ truyền máu	Bộ	15	
8	Bộ dụng cụ thông tiểu	Bộ	30	
9	Bộ dụng cụ thay băng rửa vết thương	Bộ	30	
10	Bộ dụng cụ cố định gãy xương	Bộ	3 bộ/1 loại	
11	Bộ dụng cụ bó bột	Bộ	6	
12	Bộ dụng cụ hút đờm rãi	Bộ	6	
13	Bộ dụng cụ cho thở ôxy	Cái	10	
14	Bộ dụng cụ đặt sonde dạ dày	Cái	10	
15	Máy điện tim	Cái	5	
16	Máy bơm tiêm điện	Cái	20	
17	Giường đa năng	Cái	170	
18	Giường Inox	Cái	15	
19	Tủ đầu giường	Cái	170	
20	Tủ thuốc Inox	Cái	3	

4. Khoa Phụ Sản

1	Phòng giao ban tại khoa	Phòng	1	
2	Bảng viết	Cái	1	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
3	Xe tiêm 2 tầng	Cái	6	
4	Bộ dụng cụ đo dấu hiệu sinh tồn	Bộ	5 cái/loại	
5	Bộ dụng cụ tiêm thuốc	Bộ	20	
6	Bộ dụng cụ truyền dịch	Bộ	20	
7	Bộ dụng cụ truyền máu	Bộ	5	
8	Bộ dụng cụ thông tiểu	Bộ	10	
9	Bộ dụng cụ thay băng rửa vết thương	Bộ	20	
10	Bộ dụng cụ đặt thuốc	Bộ	10	
11	Bộ dụng cụ khám thai	Bộ	10	
12	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ	10	
13	Bộ dụng cụ hút đờm rãi, thở ôxy	Bộ	10	
14	Bộ dụng cụ chăm sóc trẻ sơ sinh, tắm bé	Bộ	10	
15	Máy điện tim	Cái	2	
16	Máy monitor theo dõi tim thai	Cái	5	
17	Lồng ấp	Cái	10	
18	Nồi hấp dụng cụ	Cái	3	
19	Máy soi tử cung	Cái	1	
20	Máy đốt	Cái	1	
21	Máy plasma	Cái	1	
22	Bàn khám sản phụ khoa	Cái	4	
23	Bàn đỡ đẻ	Cái	10	
24	Đèn chiếu vàng da	Cái	7	
25	Bơm tiêm điện	Cái	3	
26	Máy lọc khí	Cái	2	
27	Cân sơ sinh	Cái	2	
28	Quạt sưởi	Cái	5	
29	Giường đa năng	Cái	80	
30	Giường Inox	Cái	15	
31	Tủ đầu giường	Cái	30	
32	Tủ thuốc Inox	Cái	1	

5. Khối Liên chuyên khoa

1	Phòng giao ban tại khoa	Phòng	1	
2	Bảng viết	Cái	1	
3	Xe tiêm 2 tầng	Cái	10	
4	Bộ dụng cụ đo dấu hiệu sinh tồn	Bộ	10 cái/loại	
5	Bộ dụng cụ tiêm thuốc	Bộ	20	
6	Bộ dụng cụ truyền dịch	Bộ	20	
7	Bộ dụng cụ Khám mắt	Bộ	3	
8	Bộ dụng cụ khám răng hàm mặt	Bộ	3	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
9	Bộ dụng cụ khám tai mũi họng	Bộ	3	
10	Máy nội soi tai mũi họng	Cái	2	
11	Dụng cụ nội soi TMH	Bộ	5	
12	Máy sinh hiển vi khám mắt	Cái	1	
13	Máy chụp đáy mắt	Cái	1	
14	Đèn chụp đáy mắt	Cái	1	
15	Máy X quang răng	Cái	1	
16	Đèn quang	Cái	1	
17	Ghế nha khoa	Cái	5	
18	Máy cắt nạo xoang trong phẫu thuật	Cái	1	
19	MiCromo tor nha khoa NLX cùng phụ kiện Y1001362 ModelNLXnonoS230	Cái	1	
20	Hệ thống máy liên quan khoa mắt	Cái	1	
21	Máy sinh hiển, máy đo khúc xạ, đèn mắt	Cái	1	
22	Máy đo ngũ quan	Cái	1	
23	Máy Hammer	Cái	1	
24	Máy khí dung	Cái	1	
25	Bộ hút mũi xoang	Bộ	5	
26	Bộ mổ mồm David boy	Bộ	2	
27	Bộ mổ quặm	Bộ	2	
28	Bộ phẫu thuật nội soi thực quản	Bộ	1	
29	Bộ dụng cụ vi phẫu thanh quản	Bộ	1	
30	Bộ mổ mũi xoang	Bộ	1	
31	Bộ dụng cụ phẫu thuật xoang	Bộ	1	
32	Giường đa năng	Cái	25	
33	Giường Inox	Cái	10	
34	Tủ đầu giường	Cái	25	
35	Tủ thuốc Inox	Cái	1	

6. Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

1	Phòng giao ban tại khoa	Phòng	1	
2	Bảng viết	Cái	1	
3	Xe tiêm 2 tầng	Cái	5	
4	Bộ dụng cụ đo dấu hiệu sinh tồn	Bộ	10 cái/loại	
5	Bộ dụng cụ tiêm thuốc	Bộ	10	
6	Bộ dụng cụ truyền dịch	Bộ	10	
7	Bộ dụng cụ xoa bóp	Bộ	10	
8	Đèn hồng ngoại	Cái	5	
9	Máy điện phân	Cái	5	
10	Máy sóng ngắn	Cái	5	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
11	Bàn vận động	Cái	1	
12	Tạ tập tay	Cái	5	
13	Xe lăn	Cái	3	
14	Khung tập đi (thanh song song)	Cái	3	
15	Nạng gỗ, inox	Cái	3/loại	
16	Máy kéo giãn cột sống	Cái	1	
17	Đệm vận động cột sống lưng	Cái	1	
18	Máy tập đi bộ	Cái	1	
19	Giá tập tay	Cái	1	
20	Bàn tập phục hồi chức năng	Cái	2	
21	Gối, bột tan, túi chườm...	Bộ	5	
22	Máy điện châm	Cái	2	
23	Máy hiệu ứng trường	Cái	3	
24	Máy từ trường trị liệu	Cái	2	
25	Máy điện xung	Cái	3	
26	Xe đạp tập PHCN	Cái	2	
27	Máy tập đa năng	Cái	2	
28	Nồi hấp Parafin	Cái	2	
29	Giường đa năng	Cái	55	
30	Giường Inox	Cái	10	
31	Tủ thuốc Inox	Cái	1	
32	Tủ đầu giường	Cái	25	

7. Khoa Y học cổ truyền

1	Phòng giao ban tại khoa	Phòng	1	
2	Bảng viết	Cái	1	
3	Xe tiêm 2 tầng	Cái	5	
4	Bộ dụng cụ đo dấu hiệu sinh tồn	Cái/loại	10	
5	Bộ dụng cụ tiêm thuốc	Bộ	10	
6	Bộ dụng cụ truyền dịch	Bộ	10	
7	Bộ dụng cụ châm cứu	Bộ	5	
8	Bộ dụng cụ xoa bóp	Bộ	10	
9	Máy sắc thuốc 24 ấm	Cái	1	
10	Máy điện châm	Cái	5	
11	Đèn hồng ngoại	Cái	5	
12	Giường châm cứu, bấm huyệt	Cái	10	
13	Giường đa năng	Cái	50	
14	Giường Inox	Cái	10	
15	Tủ thuốc Inox	Cái	1	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
8. Khoa Dược				
1	Phòng giao ban tại khoa	Phòng	1	
2	Bảng viết	Cái	1	
3	Quầy thuốc GPP	Cái	1	
4	Quầy phát thuốc bảo hiểm	Cái	1	
5	Kho thuốc	Cái	1	
6	Kho thiết bị vật tư y tế	Cái	1	
7	Giá để thuốc	Cái	21	
8	Kệ để thuốc	Cái	29	
9	Tủ lạnh bảo quản thuốc	Cái	7	
10	Xe vận chuyển thuốc	Cái	8	
11	Xe 2 tầng phát thuốc	Cái	10	
9. Khoa Xét nghiệm				
1	Phòng giao ban tại khoa	Phòng	1	
2	Bảng viết	Cái	1	
3	Hệ thống phân tích hóa sinh tự động kèm khối điện giải	Hệ thống	1	
4	Hệ thống phân tích miễn dịch	Hệ thống	1	
5	Máy xét nghiệm huyết học tự động	Cái	1	
6	Máy xét nghiệm đông máu tự động	Cái	1	
7	Máy phân tích nước tiểu	Cái	2	
8	Máy ly tâm KUBOTA(24 mẫu)	Cái	1	
9	Máy ly tâm EBA (8 mẫu)	Cái	1	
10	Máy lắc máu kèm cân túi máu	Cái	1	
11	Máy hàn dây túi máu	Cái	1	
12	Bể ổn nhiệt	Cái	1	
13	Kính hiển vi quang học	Cái	5	
14	Tủ trữ máu Helmer	Cái	1	
15	Tủ trữ máu Haier	Cái	1	
16	Tủ âm sâu Biologix	Cái	1	
17	Máy ly tâm lạnh Hermle	Cái	1	
18	Tủ mát Nihon	Cái	1	
19	Tủ mát Sanaky	Cái	3	
20	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Cái	1	
21	Máy cấy máu tự động	Cái	1	
22	Máy kháng sinh đồ tự động	Cái	1	
23	Tủ âm CO2	Cái	1	
24	Tủ âm Memmert	Cái	1	
25	Máy đo độ đục	Cái	1	
26	Máy vortex	Cái	1	
27	Cân điện tử	Cái	1	
28	Tủ mát Nihon	Cái	1	
29	Máy cắt tiêu bản	Cái	1	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
30	Bàn sấy tiêu bản	Cái	1	
31	Tủ lạnh AQUA	Cái	1	
32	Tủ sấy VISION	Cái	1	
33	Nồi hấp ướ	Cái	1	
34	Máy máu lắng tự động	Cái	1	

10. Khoa Chẩn đoán hình ảnh

1	Phòng giao ban tại khoa	Phòng	1	
2	Bảng viết	Cái	1	
3	Giường để siêu âm (có cả gối, chiếu,...)	Cái	1	
4	Máy siêu âm màu 3D - 4D Medison	Cái	1	
5	Đầu dò siêu âm 2D	Cái	1	
6	HT Máy CT-Scanner - Cắt lớp vi tính	Cái	1	
7	Phụ kiện máy chụp CT-scanme	Hệ thống	1	
8	HT máy chụp cộng hưởng từ AIRIS- MAT	Cái	1	
9	Bộ dụng cụ nội soi ổ bụng - Đức	Cái	1	
10	Máy chụp cắt lớp điện toán 16 lát	Cái	1	
11	HT máy chụp X- Quang KTS	Cái	1	
12	Máy in phim khô	Cái	1	
13	Đầu dò convex cho máy X4	Cái	1	
14	Bộ xử lý hình ảnh gắn kết nguồn sáng xe non 100 V	Cái	1	
15	Dây nội soi dạ dày tá tràng - Nhật Bản	Cái	1	
16	Ống soi niệu quản bể thận	Cái	1	
17	Hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa và miễn dịch tự động	Cái	1	
18	Máy siêu âm tim màu DOPPLER	Cái	1	
19	Máy siêu âm Dopple +đầu dò	Cái	1	
20	Hệ thống nội soi tiêu hóa	Cái	1	
21	Đầu dò ConVex	Cái	1	
22	Đầu dò Tim	Cái	1	
23	Màn Hình siêu âm trắng đen	Cái	1	
24	Bóng phát tia XQ	Cái	1	
25	Máy lưu huyết não	Cái	1	
26	Máy siêu âm màu 5D-HD hãng GE Mỹ	Cái	1	
27	Máy đo độ loãng xương X quang	Cái	1	
28	Máy đo độ loãng xương Siêu Âm	Cái	1	
29	Máy cộng hưởng từ 1.5	Cái	1	

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 09 năm 2023

GIÁM ĐỐC
 MỘT THÀNH VIÊN
 BỆNH VIỆN ĐA KHOA
 HỢP LỰC

BSCKI. Nguyễn Xuân Mậu